TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án: **26**/2017/DS - ST.
Ngày: 27/07/2017.
V/v "Tranh chấp hợp đồng gia công".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Thế Hải.

2. Ông Nguyễn Hữu Phước.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-DS, ngày 27 tháng 03 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng gia công"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐST – DS, ngày 07/07/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Trần Đắc Long (tên gọi khác: Dương), sinh năm 1979; trú tại: Thôn 2 – Bắc Ruộng – Tánh Linh – Bình Thuận: Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Phạm Minh Sơn, sinh năm 1977 - đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu An, sinh năm 1979; cùng trú tại: Thôn 1 - Huy Khiêm – Tánh Linh – Bình Thuận: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Thuần, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 2 – Bắc Ruộng – Tánh Linh – Bình Thuận: Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu An, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 1 - Huy Khiêm – Tánh Linh – Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2017 và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Trần Đắc Long trình bày như sau:

Vào khoảng tháng 9/2017 giữa ông Trần Đắc Long và ông Phạm Minh Sơn thỏa thuận xây dựng một căn nhà cấp 4 có diện tích 200m^2 với số tiền công là 600.000đ/m^2 x 200m^2 = 120.000.000đ. Các bên thỏa thuận đến thời hạn ngày 20/12/2016 (âm lịch) ông Long phải có trách nhiệm giao nhà cho gia đình ông Sơn. Ông Long có trách nhiệm thi công căn nhà, trả tiền công sơn nước, tiền công bắt điện nước. Các bên có viết và ký kết hợp đồng xây nhà với nhau. Sau đó, phía bên vợ chồng ông Sơn, bà An có phát sinh một một số hạng mục khác ngoài hợp đồng nhưng ông Long vẫn đồng ý xây dựng căn nhà này. Trong quá trình thi công các bên đã thực hiện theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, ông Long xác định sau khi hoàn thành căn nhà giao cho vợ chồng bà An, ông Sơn thì ông Long chỉ nhận được số tiền là 80.000.000đ cộng với các chi phí mà bà An đã trả gồm tiền sơn nước: 12.000.000đ; tiền bắt điện: 4.000.000đ; tiền công bắt ống nước: 750.000đ. Ông Long khấu trừ tiền công đóng la phông bằng tôn lạnh cho bà An là 3.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền bà An đã thanh toán cho ông Long liên quan đến tiền công xây dựng nhà là 99.750.000đ. Còn lại 20.250.000đ bà An, ông Sơn chưa trả nên ông Long đề nghị vợ chồng bà An, ông Sơn phải có trách nhiệm trả số tiền 20.250.000đ cho vợ chồng ông Long, bà Thuần.

[2] Thể hiện trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Phạm Minh Sơn đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu An trình bày:

Vào khoảng tháng 8 - 9/2016 (âm lịch) giữa vợ chồng bà An, ông Sơn có thỏa thuận xây dựng một căn nhà cấp 4 với diện tích 200m^2; tiền công 600.000đ/m^2 x 200m^2 = 120.000.000đ với ông Trần Đắc Long. Các bên thỏa thuận, ông Long có trách nhiệm xây dựng nhà và chịu các chi phí liên quan đến tiền công thợ xây nhà, tiền bắt điện nước, tiền công sơn nước. Đến ngày 20/12/2016 ông Long phải hoàn thành và giao nhà cho vợ chồng bà An. Bà An thỏa thuận với ông Long xây dựng theo đúng kết cấu được ghi trong bản hợp đồng mà các bên đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình thi công xây dựng thì phía bà An có thay đổi, phát sinh thêm một số hạng mục khác ngoài hợp đồng. Trong quá trình thi công ông Long đã xây dựng theo đúng yêu cầu của bà An, ông Sơn. Các bên thỏa thuận bà An, ông Sơn có trách nhiệm thanh toán tiền công xây dựng nhà cho ông Long với số tiền 120.000.000đ chia làm 3 lần: Lần thứ 1: Sau khi hoàn thành xong phần móng nhà giao 40.000.000đ; lần thứ 2: Sau khi lợp tôn xong giao: 40.000.000đ; lần thứ 3: Sau khi hoàn thành và giao nhận thanh toán 40.000.000đ. Bà An xác định đã thực hiện việc thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận. Tổng số tiền bà An đã giao cho ông Long là 100.000.000đ. Do bà An trực

tiếp thanh toán tiền công sơn nước 12.000.000đ; tiền công bắt điện 5.000.000đ; tiền bắt ống nước: 750.000đ. Đồng thời trước kia ông Long và bà An, ông Sơn thỏa thuận đóng la phông bằng tôn lạnh nhưng sau đó phía bà An thay đổi làm la phông bằng thạch cao nên ông Long đồng ý khấu trừ cho bà An 3.000.000đ, tiền công làm la phông. Như vậy, tổng số tiền bà An đã thanh toán là 120.750.000đ. Cho nên, bà An không còn nợ ông Long tiền xây dựng nhà. Do đó, bà An không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Long.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thuần trình bày:

Thống nhất như lời khai của ông Trần Đắc Long. Bà Thuần xác định hiện nay vợ chồng bà An, ông Sơn còn thiếu tiền công xây dựng nhà là 20.250.000đ. Cho nên, yêu cầu vợ chồng bà An, ông Sơn phải trả số tiền 20.250.000đ cho bà Thuần, ông Long.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Ông Trần Đắc Long cung cấp những chứng cứ sau: 01 bản hợp đồng thể hiện nội dung thỏa thuận xây dựng nhà giữa các bên; giấy ghi nội dung theo dõi trả tiền công cho thợ xây dựng; một số họ tên, địa chỉ của những người làm chứng liên quan trong vụ án.

- Bà Nguyễn Thị Thu An cung cấp các chứng cứ sau: 01 bản hợp đồng thể hiện nội dung thỏa thuận xây dựng nhà giữa các bên, trang thứ 2 có chữ ký màu đỏ ghi nội dung "Dương ứng 40 triệu" và ký tên Dương; bà An cung cấp một số họ tên, địa chỉ của người làm chứng trong vụ án.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thu thập những chứng cứ như sau: Tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng liên quan trong vụ án.

- Ông Trần Đắc Long và bà Nguyễn Thị Thu An đều thống nhất: Vào khoảng tháng 9/2016 (Al) giữa vợ chồng bà An, ông Sơn có thỏa thuận với ông Long để xây dựng một căn nhà cấp 4 có diện tích 200m^2 với số tiền công là 120.000.000đ. Nội dung thỏa thuận được thể hiện trong "Bản hợp đồng" mà các đương sự đã cung cấp. Các bên thống nhất các chi phí mà bà An đã trực tiếp chi trả là: Tiền công sơn nước 12.000.000đ; tiền bắt đường ống nước: 750.000đ. Khấu trừ tiền công đóng la phong bằng tôn lạnh là 3.000.000đ.

- Các vấn đề liên quan đến vụ án các đương sự không thống nhất: Ông Long xác định chỉ nhận từ bà An số tiền mặt là 80.000.000đ. Ông Long chấp nhận trả tiền công bắt điện là 4.000.000đ. Bà An trình bày đã giao cho ông Long tổng số tiền là 100.000.000đ. Tiền công bắt điện bà An đã trả cho ông Thịnh là 5.000.000đ. Ông Long cho rằng hiện nay bà An còn nợ tiền công xây dựng nhà là 20.250.000đ. Bà An không đồng ý mà xác định đã trả toàn bộ chi phí xây dựng nhà là 120.750.000đ nên bà An không còn nợ ông Long số tiền nào liên quan đến tiền công xây nhà.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 542, 547, 549, 552 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đắc Long.

Buộc vợ chồng ông Phạm Minh Sơn, bà Nguyễn Thị Thu An phải liên đới trả cho ông Trần Đắc Long số tiền công từ hợp đồng gia công xây nhà là 19.250.000đ. Chia phần ông Phạm Minh Sơn phải trả 9.625.000đ; bà Nguyễn Thị Thu An phải trả 9.625.000đ

Bà Nguyễn Thị Thu An, ông Phạm Minh Sơn phải liên đới nộp 962.500đ; ông Trần Đắc Long phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Long số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Đắc Long vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc vợ chồng ông Phạm Văn Sơn, bà Nguyễn Thị Thu An phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu trong quá trình ông Long thi công xây dựng căn nhà cho vợ chồng ông Sơn, bà An. Bà Nguyễn Thị Thu An cho rằng đã thanh toán toàn bộ số tiền xây dựng nhà cho anh Long nên bà An không chấp nhận yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là tranh chấp hợp đồng gia công là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Điều 547 BLDS năm 2005. Cho nên, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2[Xét về yêu cầu khởi khiện của ông Trần Đắc Long:

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng tháng 9/2016 giữa ông Trần Đắc Long (Trần Đắc Dương) và ông Phạm Văn Sơn đã thỏa thuận xây dựng một căn nhà cấp 4 có tổng diện tích là 200m^2 với số tiền là 120.000.000đ (600.000đ/1m^2 x

200m^2); xung quanh nhà xây tường gạch 20cm; giữa nhà xây tường 10cm; đổ trụ cột xung quanh cao 4m; tường ốp gạch men cao 1.6m; sơn nước mặt tiền + mặt bên hông; lợp tôn 1 mái; đỗ mê hiên chữ L; trần nhà đóng la phông bằng tôn lạnh; điện âm tường và ông Long có trách nhiệm bắt đường ống vệ sinh. Các bên thỏa thuận đến ngày 20/12/2016 âm lịch thì ông Long phải có trách nhiệm giao nhà cho vợ chồng ông Sơn, bà An. Tuy nhiên, trong quá trình thi công phía bên vợ chồng bà An, ông Sơn có thay đổi một số kết cấu so với thỏa thuận ban đầu như ốp thêm đá hoa cương phần mặt tiền và bên hông chữ L của căn nhà; làm la phông bằng thạch cao chứ không làm bằng tôn lạnh; sơn giả đá phần mái hiên mặt tiền nhà và bắt thêm đèn Led, đèn chùm trên phần la phông thạch cao. Tất cả những chi phí liên quan đến phần phát sinh này thì phía vợ chồng bà An, ông Sơn phải chịu. Ông Long đã đồng ý với phần phát sinh này. Trong quá trình thi công các bên đã thực hiện theo đúng thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Long đều xác định: Sau khi thi công phần móng nhà xong thì phía bà An đã thanh toán cho ông Long số tiền 40.000.000đ. Ông Long có viết ký nhận đã ứng số tiền 40.000.000đ này. Sau đó, ông Long đã ứng thêm nhiều lần với số tiền là 40.000.000đ. Tổng số tiền mà ông Long đã ứng liên quan đến tiền công xây dựng căn nhà từ bà An là 80.000.000đ. Ngoài ra, do trong thời gian làm nhà, bà An đã trả những chi phí liên quan đến tiền công bắt điện, tiền công thợ sơn nước. Do lúc đầu các bên thỏa thuận làm la phong bằng tôn lạnh nhưng sau đó phía vợ chồng bà An làm la phong bằng thạch cao nên ông Long khấu trừ tiền công làm la phông cho bà An là 3.000.000đ. Anh Long đồng ý khấu trừ những chi phí này vào tiền công xây dựng nhà cụ thể: Tiền công bắt điện: 4.000.000đ; tiền bắt đường ống nước 750.000đ; tiền công thợ sơn nước: 12.000.000đ; tiền công đóng la phông 3.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền ông Long đã nhận và thanh toán các chi phí này là 99.750.000đ (80.000.000đ + 12.000.000đ + 4.000.000đ + 750.000đ + 3.000đ). Còn lại số tiền 20.250.000đ bà An chưa thanh toán cho ông Long. Tuy nhiên, bà An không chấp nhận phần trình bày của ông Long mà cho rằng đã trực tiếp thanh toán cho ông Long tổng số tiền liên quan đến phần công xây dựng căn nhà là 100.000.000đ. Cụ thể: Lần thứ nhất: Ông Long làm xong phần móng bà An đã giao số tiền 40.000.000đ; lần thứ hai: Sau khi lợp xong phần tôn mái nhà bà An đưa thêm số tiền 40.000.000đ; lần thứ ba: Khoảng cuối tháng 12/2016 (Al) giao thêm số tiền 20.000.000đ. Ngoài ra, bà An còn thanh toán các khoản chi phí như: Tiền công sơn nước: 12.000.000đ; tiền công bắt điện: 5.000.000đ; tiền bắt đường ống nước 750.000đ; khấu trừ tiền đóng la phông là 3.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền bà An đã thanh toán liên quan đến phần thi công căn nhà cho ông Long là 120.750.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, ông Long cho rằng trong lần ứng tiền 40.000.000đ có ký nhận nhưng những lần ứng tiền tiếp theo thì các bên không có ký nhận, nhưng bà An có ghi vào sổ theo dõi thanh toán tiền công cho ông Long. Tại phiên tòa, bà An đã cung cấp được một chứng cứ chứng minh đã giao cho ông Long được 40.000.000đ và xác nhận số tiền này đã thanh toán sau khi ông Long xây móng nhà xong. Còn những lần giao tiền sau khi

lợp tôn đưa ông Long 40.000.000đ; đến thời điểm tháng 12/2016 (Al) đưa thêm 20.000.000đ thì bà An không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông Long đã nhận những số tiền này. Trong khi đó, ông Long chỉ xác định đã nhận từ bà An tổng số tiền là 80.000.000đ; còn số tiền 20.000.000đ mà bà An cho rằng đã thanh toán cho ông Long vào thời điểm tháng 12/2016 (Al) thì ông Long cho rằng không nhận được khoản tiền này. Do bà An không cung cấp được chứng cứ ông Long đã nhận số tiền 20.000.000đ này. Cho nên, việc bà An cho rằng đã thanh toán cho ông Long tổng số tiền công xây nhà là 100.000.000đ là không có cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền công bắt điện, bà An cho rằng thanh toán cho ông Trần Ngọc Thịnh số tiền công bắt điện là 5.000.000đ. Ông Long không đồng ý vì ông Long cho rằng khi thỏa thuận với ông Nguyễn Trần Việt Anh về tiền công bắt điện các bên đã thống nhất phía ông Long phải chi trả 20.000đ/1m2 x 200m2 = 4.000.000đ. Sau đó, ông Long cũng thỏa thuận với ông Thịnh sẽ trả tiền công bắt điện là 4.000.000đ. Nên ông Long chỉ chấp nhận thanh toán lại cho bà An số tiền 4.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Ngọc Thịnh, ngày 18/5/2017 (bút lút 46) thể hiện "…..Giữa ông Long, ông Thịnh và ông Phạm Minh Sơn thỏa thuận thống nhất tiền công bắt điện là 5.000.000đ. Ngoài ra, tiền công bắt thêm phần điện trần trên la phông thạch cao là 1.500.000đ. Thỏa thuận ông Long có trách nhiệm trả tiền điện nhà cho ông Thịnh là 5.000.000đ….". Do đó, việc ông Long cho rằng đã thỏa thuận với ông Thịnh tiền công bắt điện là 4.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận mà có căn cứ chấp nhận số tiền công bắt điện âm tường (không tính tiền công bắt điện trần la phông thạch cao) là 5.000.000đ theo như thỏa thuận giữa ông Long và ông Thịnh là phù hợp.

Xét thấy: Do không có căn cứ chứng minh bà An đã giao cho ông Long số tiền 20.000.000đ vào thời điểm tháng 12/2016 (Al) và ông Long cũng không thừa nhận đã nhận số tiền này. Cho nên, yêu cầu của ông Long buộc vợ chồng bà An, ông Sơn phải thanh toán số tiền xây nhà còn thiếu là có căn để chấp nhận. Căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ xác định, ông Long đã nhận từ bà An tổng số tiền là 80.000.000đ và chấp nhận những khoảng chi phí khấu trừ vào số tiền thi công mà bà An đã chi trả bao gồm: Tiền công sơn nước: 12.000.000đ; tiền công bắt điện: 5.000.000đ; tiền bắt ống nước: 750.000đ; khấu trừ tiền công phần la phông tôn lạnh: 3.000.000đ. Tổng số tiền bà An đã chi trả cho ông Long là: 80.000.000đ + 12.000.000đ + 5.000.000đ + 750.000đ + 3.000.000đ = 100.750.000đ. Do số tiền công xây dựng căn nhà các bên thỏa thuận là 600.000đ0/1m^2 x 200m^2 = 120.000.000đ. Như vậy, số tiền bà An chưa thanh toán cho ông Long là: 120.000.000đ - 100.750.000đ = 19.250.000đ. Do đó, cần buộc vợ chồng bà An, ông Sơn phải có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Long, bà Thuần số tiền xây dựng nhà còn thiếu là 19.250.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 547, khoản 3 Điều 549, khoản 3 Điều 552 BLDS năm 2005.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Long được chấp nhận một phần do đó cần xử buộc bà An, ông Sơn phải nộp án phí DS/ST theo quy định của pháp

luật là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Đắc Long, bà Ngô Thị Thuần yêu cầu vợ chồng bà An, ông Sơn phải trả số tiền công xây nhà còn thiếu là 20.250.000đ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu buộc bà An, ông Sơn phải trả số tiền là 19.250.000đ. Do đó, ông Long, bà Thuần phải có trách nhiệm nộp tiền án phí DS/ST đối với phần không được chấp nhận là 1.000.000đ, sung công quỹ nhà nước là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 điều 35, các điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Các Điều 547, khoản 3 Điều 549; khoản 3 Điều 552 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa IV về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đắc Long

- Xử buộc ông Phạm Văn Sơn, bà Nguyễn Thị Thu An phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Đắc Long, bà Ngô Thị Thuần số tiền: 19.250.000đ (Mười chín triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Chia phần:

- Ông Phạm Văn Sơn phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đắc Long, bà Ngô Thị Thuần số tiền 9.625.000đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi làm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thu An phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đắc Long, bà Ngô Thị Thuần số tiền 9.625.000đ (Chín triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm

- Về án phí DSST*:* Buộc bà An, ông Sơn phải liên đới nộp 962.500đ án phí DSST, sung công quỹ Nhà nước.

Buộc ông Long, bà Thuần phải liên đới nộp số tiền 300.000đ án phí DSST, sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh

Long đã nộp là 1.000.000đ theo biên lai số N. 0011829, ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Ông Trần Đắc Long được hoàn trả lại số tiền 700.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/7/2017 (đã giải thích).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự…….;
- VKSND huyện;
- C.C thi hành án DS huyện;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến